

Bản án số: 06/2020/HC-ST

Ngày: 31-12-2020

*V/v khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Quang

2. Bà Nguyễn Thị Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Tạ Đức Vọng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HC ngày 08 tháng 5 năm 2020, về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn C, xã Gi, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Hoàng Trung K; địa chỉ: Số nhà 64, đường T, phố Ph, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 30/5/2020. (có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Ủy ban nhân dân tỉnh B, số B, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Cao S - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; địa chỉ: Ủy ban nhân dân tỉnh B, số B, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Kim Y – Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Số 750, phố K, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện G;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G;

Địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện G, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G: Ông Ngô Hùng Kh – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G; địa chỉ: Ủy ban nhân dân huyện G, thị trấn M, huyện G, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/9/2020. (có mặt)

- Ông Nguyễn Xuân Th; địa chỉ: Thôn C, xã Gi, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2019, Bản tự khai ngày 26/8/2020, các tài liệu gửi kèm đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là bà Phạm Thị H, người đại diện hợp pháp của bà H là ông Hoàng Trung K trình bày:

Ngày 11/5/1991, Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu được thành lập do ông Nguyễn Xuân Th là chồng bà Phạm Thị H làm chủ nhiệm, ông Nguyễn Quốc Lập làm kế toán trưởng. Ngày 10/5/1991 do giải thể nên Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn chuyển nhượng cho Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu 05 gian nhà xưởng có diện tích 153,7m² (7,5m x 20,5m) với giá 17.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng thể hiện bằng Biên bản chuyển nhượng tài sản ngày 10/5/1991. Sau khi Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu tự giải thể, ông Th, ông Lập và các thành viên khác thỏa thuận phân chia tài sản của tổ hợp (không có giấy tờ phân chia); gia đình ông Th bà H sử dụng 02 gian nhà (61,5m²), ông Lập sử dụng 03 gian nhà (92,2m²). Ngoài ra năm 1991, gia đình ông Th bà H còn nhận chuyển nhượng của Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn 01 nhà Rèn, 01 nhà Tời với giá 6.000.000 đồng (các tài sản nhận thanh lý thuộc một phần thửa số 1964, tờ bản đồ số 21b, bản đồ xã Gia Trán lập năm 1993, vị trí phía Bắc cầu Gián Khẩu, xã Gia Trán, huyện Gia Viễn). Gia đình bà H chỉ còn giấy tờ thanh lý 05 gian nhà xưởng, còn giấy tờ thanh lý nhà Rèn, nhà Tời đã bị mất, thất lạc nhưng có xác nhận của ông Đào Quang Khánh nguyên kế toán trưởng, ông Nguyễn Ngọc Hựu nguyên giám đốc Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn và ý kiến xác nhận của các hộ liền kề. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà H sửa chữa nâng cấp và sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1991 đến năm 2012 (nhà Rèn dùng để bán hàng, nhà Tời dùng làm nơi học tập của con cháu, 02 gian nhà của tổ hợp để làm kho chứa hàng).

Năm 2012 thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A và làm cầu Gián Khẩu, Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên của gia đình bà H (khoảng 292m², phía Bắc giáp đất của ông Lập dài 21m, phía Nam giáp đất của ông Hiệp dài 21m, phía Tây giáp QL1A dài 13,9m, phía Đông giáp đường ra bãi cát dài 13,9m). Trong diện tích đất bị thu hồi, gia đình bà H chỉ được bồi thường 61,5m², còn diện tích đất nhà Rèn (82,35m²), nhà Tời (72,8m²) không được bồi

thường, hỗ trợ với lý do chỉ có xác nhận của ông Đào Quang Khánh, ông Nguyễn Ngọc Hựu và ý kiến của các hộ liên kề. Ngày 19/7/2012 và ngày 29/8/2012 bà H, ông Th có đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G và Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện G xem xét lại việc đền bù, hỗ trợ diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời.

Tại Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19/9/2012, Ủy ban nhân dân huyện G trả lời: Do hộ gia đình ông Th không cung cấp thêm được giấy tờ có liên quan đến diện tích đất nhà Tời, nhà Rèn nên không có cơ sở để UBND huyện xem xét giải quyết.

Ngày 16/10/2012, bà H có đơn khiếu nại Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19/9/2012 của UBND huyện G.

Ngày 24/10/2012 UBND huyện G ra thông báo thụ lý đơn khiếu nại.

Ngày 13/6/2013, UBND huyện G tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp nhưng không xem xét, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 04/6/2015, bà H mới nhận được Quyết định số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), với nội dung: *Bác đơn khiếu nại của bà H về việc khiếu nại đền bù, hỗ trợ diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời và diện tích đất xây dựng công trình phụ đã thu hồi thực hiện nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A qua địa bàn xã Gia Trăn.*

Ngày 03/7/2015, bà H khiếu nại quyết định 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G đến Chủ tịch UBND tỉnh B nhưng không được giải quyết. Vì vậy, ngày 09/5/2017, bà H có đơn khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh B đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc Chủ tịch UBND tỉnh B thụ lý đơn khiếu nại ngày 03/7/2015 của bà H.

Ngày 04/5/2018, UBND tỉnh B có Thông báo thụ lý đơn khiếu nại; bà H đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đình chỉ giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật.

Theo Giấy mời, trong các ngày 22/5/2018, 05/6/2018 và 22/6/2018 ông K (người đại diện theo ủy quyền của bà H) đã làm việc với Đoàn thanh tra. Tuy nhiên, người chủ trì Hội nghị đối thoại là Phó chánh thanh tra tỉnh (ông Lê Văn M) là trái quy định pháp luật, không đúng thẩm quyền.

Ngày 06/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 399/QĐ-UBND với nội dung: *Giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết lần đầu số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H. Bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Trung K là người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông Th, về việc đề nghị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 155,15m² đất, gồm 72,8m² đất nhà Tời và 82,35m² đất nhà Rèn.*

Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B không đảm bảo tính pháp lý, vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục, thời hạn quy định tại Điều 6, Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 5 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; vi phạm thẩm quyền đối thoại. Vì vậy, bà

H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B và buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 47 ngày 17/7/2019, văn bản số 21 ngày 25/5/2020, văn bản số 46 ngày 06/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà Phạm Thị H: Diện tích đất gia đình bà H cùng với 10 hộ gia đình khác sử dụng tại khu vực phía Bắc cầu Gián Khẩu (bên cạnh thửa 205) trước đây là đất hành lang an toàn đường bộ, thể hiện tại tờ bản đồ số 4b, bản đồ giải thửa xã Gia Trấn năm 1986. Ngày 05/02/1988, UBND tỉnh Hà Nam Ninh có Quyết định số 139/QĐ-UB về việc giao đất cho Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn xây dựng đường triền và khu sản xuất. Ngày 24/3/1988, UBND huyện Gia Viễn cấp Giấy phép sử dụng đất số 106/RĐ-GP cho Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn với diện tích 1.725m², loại đất đường giao thông cũ, ở xứ đồng khu vực Gián Khẩu, xã Gia Trấn, thuộc tờ bản đồ số 01 (đối chiếu với bản đồ gốc là tờ 4b), để xây dựng đường triền, cầu cảng và nhà sản xuất. Năm 1991, Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn giải thể và thanh lý toàn bộ tài sản trên đất cho 03 đơn vị gồm: Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn, Công ty vật tư nông nghiệp Ninh Bình và UBND xã Gia Trấn. Ngày 11/5/1991, tại Quyết định số 55/QĐ-UB Ủy ban nhân dân huyện Gia Viễn thành lập Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu do ông Nguyễn Xuân Th làm chủ nhiệm, ông Nguyễn Quốc Lập làm kế toán trưởng. Ngày 10/5/1991 do giải thể nên Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn chuyển nhượng cho Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu 05 gian nhà xưởng trên diện tích đất xây dựng là 153,7m² (KT 7,5m x 20,5m) với giá 17.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng được lập thành biên bản ngày 10/5/1991. Sau khi Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu tự giải thể, ông Th và ông Lập tự phân chia, quản lý, sử dụng toàn bộ 05 gian nhà đã nhận chuyển nhượng. Ông Th sử dụng 02 gian nhà với diện tích 61,5m², ông Lập sử dụng 03 gian nhà với diện tích 92,2m². Việc thỏa thuận phân chia sử dụng tài sản giữa ông Th và ông Lập không có giấy tờ, việc sử dụng diện tích đất chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận, cho phép và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời mà đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Hoàng Trung K khiếu nại đề nghị bồi thường, hỗ trợ không được thể hiện trong hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ và cũng không được thể hiện trên các giấy tờ, tài liệu cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao đất hoặc nhượng bán tài sản trên đất cho gia đình bà H. Gia đình bà H cũng không cung cấp được tài liệu có giá trị pháp lý để chứng minh nguồn gốc diện tích đất đề nghị được bồi thường.

Tại Bản đồ địa chính xã Gia Trấn lập năm 1993, vị trí đất gia đình bà H sử dụng là một phần diện tích đất thuộc thửa 1964, tờ bản đồ 21b, loại đất xây

dụng, chủ sử dụng ghi Công ty đại lý vận tải.

Về việc thu hồi đất và hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A năm 2012: Thời điểm giải phóng mặt bằng, hiện trạng khu vực phía Bắc cầu Gián Khẩu thuộc hành lang bảo vệ cầu Gián Khẩu có 10 hộ gia đình sử dụng đất không hợp pháp, trong đó có hộ gia đình bà H. Tháng 7/2011, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Gia Viễn lập Biên bản kiểm đếm toàn bộ tài sản, hoa màu trên đất đối với 10 hộ gia đình, trong đó có hộ gia đình bà H. Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai và các giấy tờ tài liệu có liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất, 10 hộ gia đình đều không đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất. Tuy nhiên, xét thực tế các hộ gia đình sử dụng đất có nguồn gốc gắn liền với tài sản được Xí nghiệp cơ khí huyện Gia Viễn, Công ty nông nghiệp Ninh Bình, UBND xã Gia Trấn thanh lý. Sau khi UBND huyện Gia Viễn, Sở Tài nguyên - Môi trường trình và đề nghị chính sách bồi thường, hỗ trợ diện tích đất gắn liền với tài sản các hộ gia đình nhận thanh lý; ngày 27/4/2012 UBND tỉnh Ninh Bình ban hành văn bản số 154/UBND-VP3 đồng ý hỗ trợ 100% giá trị quyền sử dụng đất, tính theo giá đất tại thời điểm thu hồi đối với diện tích đất gắn liền với tài sản nhượng bán của Xí nghiệp cơ khí huyện Gia Viễn, Công ty nông nghiệp Ninh Bình, UBND xã Gia Trấn cho các hộ dân. Hộ bà H ông Th đã thống nhất, xác nhận diện tích, ký nhận vị trí thu hồi tại thửa 1964, tờ bản đồ số 21b bản đồ năm 1993 là 61,5m².

Căn cứ Điều 31, Điều 37, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Ngày 02/7/2012 UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A qua xã Gia Trấn; trong đó thu hồi 2.820,9m² tại tờ bản đồ số 21b lập năm 1993 (thửa 1963, 1964), do UBND xã Gia Trấn quản lý, gồm: 1.700m² đất hoang, 1.120,9m² đất hiện có 10 hộ gia đình sử dụng không hợp pháp, trong đó 677,3m² có giấy tờ nhượng bán tài sản trên đất, 443,6m² các hộ tự lan cạp thêm.

Ngày 09/8/2012 UBND huyện Gia Viễn ban hành Quyết định số 515/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường GPMB thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua xã Gia Trấn, trong đó gia đình bà H ông Th được hỗ trợ 889.302.668 đồng, gồm giá trị 61,5m² đất: 307.500.000 đồng, giá trị tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu: 581.802.668 đồng. Gia đình bà H ông Th đã ký nhận đủ số tiền nêu trên tại phiếu chi số 10 ngày 22/8/2012.

Sau khi nhận số tiền hỗ trợ đối với quyền sử dụng 61,5m² và tài sản trên đất, gia đình bà H có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện G xem xét bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất nhà Rèn, nhà Tò. Tại Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19/9/2012, Ủy ban nhân dân huyện G đã trả lời diện tích đất nhà Tò, nhà Rèn không có cơ sở để giải quyết. Gia đình bà H khiếu nại Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện G. Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013, bác đơn khiếu nại của bà H. Bà H tiếp tục ủy quyền cho ông Hoàng

Trung K khiếu nại đến UBND tỉnh B (Đơn khiếu nại ngày 03/7/2015). Ngày 06/8/2018, UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 399/QĐ-UBND, giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết lần đầu số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Trung K (là người được bà H, ông Th ủy quyền) về việc đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 155,15m² đất, gồm nhà Tời 72,8m², nhà Rèn 82,35m².

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh B là giữ nguyên Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 756 ngày 13/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện G, Chủ tịch UBND huyện G trình bày:

Diện tích đất gia đình bà Phạm Thị H sử dụng tại khu vực phía Bắc cầu Gián Khẩu có nguồn gốc không hợp pháp, thuộc hành lang bảo vệ Quốc lộ 1A và cầu Gián Khẩu.

Năm 2012, khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai các thời kỳ và các tài liệu có liên quan, thì toàn bộ diện tích đất gia đình bà H sử dụng không đủ điều kiện bồi thường. Tuy nhiên, xét điều kiện thực tế, sau khi xin ý kiến của UBND tỉnh, UBND huyện G đã hỗ trợ cho gia đình bà H 100% giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi đối với 61.5m² là diện tích Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn nhượng bán tài sản cho Tổ hợp cơ khí huyện Gia Viễn, được thể hiện tại biên bản nhượng bán tài sản khu vực Gián Khẩu ngày 10/5/1991.

Gia đình bà H đã khiếu nại đề nghị được bồi thường, hỗ trợ diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời. Đối với diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời gia đình bà H đề nghị được bồi thường, hỗ trợ không được thể hiện trong hồ sơ quản lý đất đai các thời kỳ và cũng không được thể hiện trên các giấy tờ, tài liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao đất hoặc nhượng bán tài sản trên đất cho gia đình bà H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì việc gia đình bà H đề nghị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 155,15m² đất nhà Rèn, nhà Tời là không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Chủ tịch UBND huyện G đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013, bác đơn khiếu nại của bà H. Bà H không nhất trí và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018, theo đó giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết lần đầu số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, bác nội dung khiếu nại

của ông Hoàng Trung K (là người được bà H, ông Th ủy quyền) về việc đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 155,15m² đất, gồm nhà Tờ 72,8m², nhà Rèn 82,35m².

Việc bà H khởi kiện Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 12/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

Về nguồn gốc đất, việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tài sản khi Nhà nước thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và quá trình khiếu nại, giải quyết khiếu nại như bà H và ông K trình bày. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét giải quyết thấu đáo để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho công dân.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình:

- Ngày 18/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm, theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2019 của bà Phạm Thị H.

- Ngày 08/10/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2019/QĐST-HC.

- Ngày 21/10/2019 bà H kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2019/QĐST-HC ngày 08/10/2019.

- Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo số 19/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020, TANDCC tại Hà Nội đã chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 10/2019/QĐST-HC ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa: Bà H và người đại diện hợp pháp giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B và buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh B có ý kiến giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện G, Chủ tịch UBND huyện G đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 31, Điều 37, Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 14,

Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Phạm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tại phiên tòa, vắng mặt ông Nguyễn Cao S là người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Xuân Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 157, Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh B có nội dung: *Giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết lần đầu số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Trung K (là người được bà H, ông Th ủy quyền) về việc đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 155,15m² đất, gồm nhà Tờ 72,8m², nhà Rền 82,35m², đã tác động trực tiếp, đến quyền lợi của bà H nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.*

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, khiếu kiện của bà Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Ngày 06/8/2018, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B, ngày 18/6/2019 bà Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Như vậy, bà H đã thực hiện quyền khởi kiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được quyết định.

Căn cứ Điều 116 của Luật tố tụng hành chính, việc khởi kiện của bà H vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về nội dung:*

[4.1] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B:

[4.1.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ khoản 7, khoản 10 Điều 22 và Điều 121 của Luật tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 21 của Luật khiếu nại năm 2011; Điều 138 của Luật đất đai năm 2003, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 là đúng thẩm quyền.

[4.1.2] Về trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại:

Ngày 04/6/2015 bà H nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện G. Ngày 03/7/2015 ông Hoàng Trung K là người được bà H ủy quyền gửi đơn khiếu nại lần hai đến UBND tỉnh B. Bà H đã thực hiện quyền khiếu nại lần hai trong thời hạn 30 ngày theo đúng quy định tại Điều 33 Luật khiếu nại năm 2011, nhưng không được thụ lý giải quyết. Sau khi bà H khiếu kiện hành vi hành chính, ngày 04/5/2018 Chủ tịch UBND tỉnh B mới thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật khiếu nại năm 2011.

Sau khi thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai, ngày 04/5/2018 Chủ tịch UBND tỉnh B ra quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại; ngày 28/5/2018 ra văn bản ủy quyền cho Lãnh đạo Thanh tra tỉnh B tiến hành tổ chức đối thoại. Sau khi xác minh nội dung đơn khiếu nại, ngày 12/6/2018 Lãnh đạo Thanh tra tỉnh B đã tổ chức và tiến hành đối thoại; ngày 06/8/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

Căn cứ các Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật khiếu nại năm 2011 và các quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013, Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 về cơ bản là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên có một số sai sót, đó là:

Tính từ ngày thụ lý đến ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là 94 ngày (04/5/2018 – 06/8/2018), đã vi phạm thời hạn giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Luật khiếu nại năm 2011. Người ra thông báo việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai (Thông báo số 50/TB-BTCD ngày 04/5/2018 do Trưởng ban tiếp công dân ký) không đúng quy định tại Điều 36 của Luật khiếu nại năm 2011 và không đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Tại thời điểm đối thoại (12/6/2018), người giải quyết khiếu nại ủy quyền cho Lãnh đạo Thanh tra tỉnh B tổ chức, tiến hành đối thoại là không đúng quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ. Tuy nhiên, việc ủy quyền phù hợp với khoản 7 Điều 22 của Luật tổ chức chính quyền địa phương và quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 hiện đang có hiệu lực thi hành, *cho phép*

người giải quyết khiếu nại lần hai là Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể phân công cấp phó của mình hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại, nên việc hủy quyết định giải quyết khiếu nại chỉ để tiến hành đối thoại lại là không cần thiết.

[4.1.3] Về hình thức, nội dung của quyết định:

* Về hình thức: Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B được ban hành theo đúng quy định tại Điều 40 của Luật khiếu nại năm 2011 và mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

* Về nội dung:

- Xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tại khu vực phía Bắc cầu Gián Khẩu thuộc thửa 1964, tờ bản đồ 21b, Bản đồ địa chính xã Gia Trấn lập năm 1993 của gia đình bà H (61,5m² của hai gian nhà xưởng, diện tích đất nhà Rền 82,35m², nhà Tời 72,8m²): Gia đình bà H đã sử dụng diện tích đất nhà Rền, nhà Tời trước ngày 15/10/1993, tuy nhiên không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003. Chứng cứ để bà H chứng minh năm 1991, gia đình bà nhận chuyển nhượng nhà Rền, nhà Tời với giá 6.000.000 đồng là xác nhận của ông Đào Quang Khánh nguyên kế toán trưởng, ông Nguyễn Ngọc Hựu nguyên giám đốc Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn. Nội dung xác nhận của ông Hựu và ông Khánh không phù hợp với bất kỳ tài liệu, giấy tờ nào về quyền sử dụng đất của gia đình bà H. Mặt khác trong quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 11/5/2016 ông Hựu xác nhận có ký xác nhận cho ông Th nhưng nội dung ông xác nhận vào đơn của ông Th do mất ông kém ông Th viết và ông ký vào nội dung đơn; ngày 11/01/2018 ông Khánh xác định ông có xác nhận vào đơn ngày 19/7/2012 của bà H, ông Th nhưng chỉ xác nhận theo ý vợ chồng ông Th còn không rõ diện tích này; tài sản đã thanh lý cho Tổ hợp cơ khí Gián Khẩu chỉ có 1 ngôi nhà 5 gian, ngoài ra các phần khác thì ông Khánh không nắm rõ. Như vậy, chứng cứ mà bà H đưa ra là xác nhận của ông Hựu, ông Khánh không có căn cứ pháp lý và không có giá trị chứng minh.

Tại Sổ mục kê, Bản đồ địa chính xã Gia Trấn lập năm 1993, thể hiện vị trí đất gia đình bà H sử dụng là một phần diện tích đất thuộc thửa 1964, tờ bản đồ 21b, chủ sử dụng ghi là Công ty đại lý vận tải.

Theo giấy phép sử dụng đất do UBND huyện Gia Viễn cấp cho Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn có nội dung: *Nếu không sử dụng đất hoặc sử dụng không hết thì phải trả lại phần đất không sử dụng cho Nhà nước. Không được mua bán, nhượng đổi đất dưới bất kỳ hình thức nào. Nếu muốn thay đổi mục đích sử dụng phải làm luận chứng KTKT bổ sung trình cấp có thẩm quyền quyết định.* Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn đã giải thể từ khoảng sau năm 1988 đến năm 1991. Như vậy, theo quy định tại Điều 5, Điều 14 Luật đất đai năm 1987; khoản 4 Điều 7, Điều 103 của Luật đất đai năm 2003, sau khi Công ty đại lý vận tải huyện Gia Viễn giải thể thì toàn bộ diện tích đất đứng tên công ty trên

địa bàn xã Gia Trán thuộc quyền quản lý của Nhà nước và trực tiếp là UBND xã Gia Trán.

Theo quy định tại Điều 7 Điều lệ bảo vệ đường bộ, ban hành kèm theo Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng, quy định hành lang bảo vệ hệ thống đường Quốc lộ là 20m; cầu dài trên 60m có bán kính hành lang bảo vệ là 100m. Tại biên bản xác định trên thực địa ngày 21/12/2020 của đại diện các cơ quan chức năng gồm Thanh tra tỉnh Ninh Bình, Sở giao thông Ninh Bình, UBND huyện Gia Viễn, UBND xã Gia Trán và Trích lục bản đồ địa chính tờ số 21b xã Gia Trán lập năm 1993 (do UBND xã Gia Trán cấp ngày 24/12/2020) thể hiện toàn bộ thửa 1964, tờ bản đồ 21b nằm trong 100m thuộc hành lang bảo vệ cầu Gián Khẩu và 20m hành lang bảo vệ Quốc lộ 1A. Theo quy định tại Điều 50 của Luật đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì phần đất đã bị thu hồi của gia đình bà H không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Điều 43 của Luật đất đai năm 2003; Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14, Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ thì diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà Hà không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ.

Như vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B *giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết lần đầu số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị H, bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Trung K (là người được bà H, ông Th ủy quyền) về việc đề nghị bồi thường, hỗ trợ diện tích 155,15m² đất, gồm nhà Tời 72,8m², nhà Rèn 82,35m² là có căn cứ, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà H.*

Ngoài phần đất đã bị thu hồi, gia đình bà H vẫn còn có chỗ ở khác tại thôn 2, xã Gi. Do đó, việc Nhà nước thu hồi đất nhà Rèn, nhà Tời không gây khó khăn về chỗ ở cho gia đình bà H. Mặc dù bị thu hồi đất và không được bồi thường nhưng trong quá trình thực hiện dự án, để đảm bảo quyền lợi cho người dân và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, ngày 09/8/2012 UBND huyện G đã hỗ trợ cho gia đình bà H 889.302.668 đồng. Việc hỗ trợ số tiền nêu trên của UBND huyện G đối với gia đình bà H là thỏa đáng.

[5] *Các văn bản hành chính có liên quan:*

[5.1] Đối với Quyết định số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G:

Quyết định số 898/QĐ-CT ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND huyện G được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011.

Về hình thức, nội dung của quyết định như phân tích tại mục [4] Chủ tịch UBND huyện G đã căn cứ luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 69/ NĐ-CP ngày 13-08-2009 của Chính phủ, bác đơn khiếu nại của bà Phạm Thị

H về việc khiếu nại đền bù, hỗ trợ diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời đã thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua xã Gia Trấn là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu Chủ tịch UBND huyện G có một số sai sót, đó là giải quyết đơn khiếu nại chưa đúng thời hạn, sau khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không gửi cho người khiếu nại trong thời hạn theo quy định tại Điều 27, 28, 32 của Luật khiếu nại năm 2011. Hình thức, nội dung Biên bản đối thoại chưa đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[5.2] Đối với Thông báo số 106/TB-UBND ngày 19-09-2012 đã thông báo kết luận của Chủ tịch UBND huyện G tại hội nghị xem xét, giải quyết đơn đề nghị của các hộ gia đình thôn Gián Khẩu, xã Gia Trấn có nội dung: “2. Việc hộ ông Nguyễn Xuân Th đề nghị UBND huyện xem xét, giải quyết bồi thường diện tích đất nhà Tời và nhà Rèn mà hộ gia đình ông nhận thanh lý từ Xí nghiệp cơ khí Gia Viễn, khi thu hồi GPMB thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng QL 1A. Đề nghị của ông không có cơ sở để ủy ban huyện xem xét, giải quyết. Do hộ gia đình ông không cung cấp thêm được giấy tờ có liên quan đến phần diện tích nhà Tời, nhà Rèn theo nội dung đơn ông đề nghị”. Thông báo nêu trên để hộ gia đình ông Th biết và thực hiện quyền chứng minh của mình, nội dung không xâm hại đến quyền lợi của gia đình ông Th bà H.

[5.3] Đối với Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 02/7/2012 của UBND tỉnh B, v/v thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, tại xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn.

Như đã phân tích, nhận định tại mục [4.3.1] xác định diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A thuộc quyền quản lý của UBND xã Gia Trấn (trong đó có 10 hộ gia đình sử dụng đất không hợp pháp, trong đó có hộ gia đình bà H); việc thu hồi đất là để phục vụ cho lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Căn cứ quy định tại các Điều 38, 39, 44 của Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, UBND tỉnh Ninh Bình đã ra quyết định thu hồi đất là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[6] Từ phân tích, nhận định ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và các văn bản hành chính khác có liên quan, đều có nội dung không chấp nhận yêu cầu bồi thường, hỗ trợ diện tích đất nhà Rèn, nhà Tời cho gia đình bà H là có căn cứ. Mặc dù trong quá trình giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai, người giải quyết khiếu nại đã vi phạm thủ tục, thời hạn giải quyết nhưng những sai sót, vi phạm này không làm thay đổi bản chất nội dung sự việc, không xâm phạm đến quyền và lợi ích của gia đình bà H. Do đó, cần bác yêu cầu khởi kiện của bà H về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 và buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện bị bác nhưng bà Phạm Thị H là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà H.

[8] Về quyền kháng cáo, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204, Điều 206 của Luật tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 39, 43, 44, 138 của Luật đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14, Điều 24, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 22, Điều 29 của Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ các Điều 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40, 41 của Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 399/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh B và buộc Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết lại đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Phạm Thị H.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện là bà Phạm Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện G, Chủ tịch UBND huyện G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/12/2020). Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNVTTHA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

